

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành;
thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1472/QĐ-BTP ngày 25/6/2020 của Bộ Tư pháp về việc bãi bỏ các thủ tục hành chính trong lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tư vấn pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1724/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp và Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các thủ tục hành chính trong lĩnh vực Luật sư; Phổ biến, giáo dục pháp luật; Bán đấu giá tài sản và Quản tài viên đã được công bố tại Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị trái với Quyết định này đều bị thay thế, bãi bỏ.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục Kiểm soát TTHC - VP Chính phủ;
- Chánh VP, các PVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu VT, KSTTHC_(2b).

CHỦ TỊCH



Võ Văn Hưng

**DANH MỤC THỦ TỤC MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG;
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÀI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH QUẢNG TRỊ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **2400/QĐ-UBND** ngày **25** tháng 8 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (10 TTHC)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (02 TTHC)

Số TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH							
I. Lĩnh vực Luật sư: 01 TTHC							
1	1.008709.000.00.00.H50	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Luật sư (sửa đổi, bổ sung năm 2012); - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ.
II. Lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản: 01 TTHC							
2		Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không quy định	- Luật Pháp sản ngày 19 tháng 6 năm 2014; - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Pháp sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (08 TTHC)

Số TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí/ lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú (<i>STT tại DM TTHC theo QĐ số 1539/QĐ-UBND</i>)
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH							
I	Lĩnh vực Luật sư: 08 TTHC							
1	1.002218. 000.00.00. H50	Hợp nhất công ty luật	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Luật sư (sửa đổi, bổ sung năm 2012); - Nghị định 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ.	<i>STT 51</i> Sửa đổi lệ phí từ 50.000đ/lần thành không thu
2	1.002234. 000.00.00. H50	Sáp nhập công ty luật	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Luật sư (sửa đổi, bổ sung năm 2012); - Nghị định 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ.	<i>STT 52</i> Sửa đổi lệ phí từ 50.000đ/lần thành không thu

3	1.002181. 000.00.00. H50	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Phí: 2.000.000đ/ hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư (sửa đổi, bổ sung năm 2012); - Nghị định 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 220/2016/TT-BTP ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, quản lý phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động luật sư. 	STT 55 Sửa đổi lệ phí từ 50.000đ/lần thành phí 2.000.000đ/hồ sơ
4	1.002032. 000.00.00. H50	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Không quy định (Dự kiến thực hiện 5 ngày làm việc)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Lệ phí: 50.000 đồng/hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư (sửa đổi, bổ sung năm 2012); - Nghị định 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 47/2019/ TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính. 	STT 57 Sửa đổi lệ phí từ 200.000đ/ hồ sơ thành 50.000đ/ hồ sơ

5	1.002198. 000.00.00. H50	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Phí: 1.000.000 đồng/hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư (sửa đổi, bổ sung năm 2012); - Nghị định 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 220/2016/TT-BTP ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, quản lý phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động luật sư. 	STT 61 Sửa đổi lệ phí từ 100.000đ/hồ sơ thành phí 1.000.000đ/hồ sơ
6	1.002368. 000.00.00. H50	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Phí: 2.000.000 đồng/hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư (sửa đổi, bổ sung năm 2012); - Nghị định 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 17/2011/TT-BTP ngày 14/10/2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều của Luật luật sư, Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật luật sư, Nghị định hướng dẫn thi 	STT 62 Sửa đổi lệ phí từ 100.000đ/hồ sơ thành phí 2.000.000đ/hồ sơ

7	1.002398. 000.00.00. H50	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Lệ phí: 50.000 đồng/hồ sơ	<p>hành các quy định của Luật sư về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư.</p> <p>- Thông tư số 220/2016/TT-BTP ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, quản lý phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động luật sư.</p> <p>- Luật Luật sư (sửa đổi, bổ sung năm 2012);</p> <p>- Nghị định 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật luật sư;</p> <p>- Thông tư số 47/2019/ TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</p>	<p><i>SIT 66</i></p> <p>Sửa đổi lệ phí từ 200.000đ/ hồ sơ thành 50.000đ/hồ sơ</p>	<p><i>SIT 70</i></p> <p>Sửa đổi lệ phí từ 100.000đ/ lần thành phí 600.000đ/hồ sơ</p>
8	1.002384. 000.00.00. H50	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Phí: 600.000 đồng/ hồ sơ			

Lĩnh vực Luật sư: 10 TTHC	
II	
3	1.002113.000.00.00.H50
4	1.002126.000.00.00.H50
5	1.002138.000.00.00.H50
6	1.002638.000.00.00.H50
7	1.002251.000.00.00.H50
8	1.002272.000.00.00.H50
9	2.001029.000.00.00.H50
10	1.002311.000.00.00.H50
11	1.002336.000.00.00.H50

Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư trong trường hợp tổ chức hành nghề luật sư tự chấm dứt hoạt động hoặc công ty luật bị hợp nhất, sáp nhập

Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư trong trường hợp tổ chức hành nghề luật sư bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động hoặc Trưởng văn phòng luật sư, Giám đốc công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc tất cả các thành viên của công ty luật hợp danh, thành viên của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư

Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư trong trường hợp chấm dứt hoạt động do Trưởng văn phòng luật sư, Giám đốc công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên chết

Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư

Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh

Chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật

Giải thể Đoàn luật sư

Phê duyệt Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường, phương án xây dựng nhân sự Ban chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư

Phê chuẩn kết quả Đại hội luật sư

Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ Tư pháp

12	1.002955.000.00.00.H50	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp bị thu hồi Giấy phép thành lập		
III	Lĩnh vực Bán đấu giá tài sản: 05 TTHC			
13	2.001502.000.00.00.H50	Thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá		
14	2.001808.000.00.00.H50	Thu hồi Thẻ đấu giá viên		
15	2.001386.000.00.00.H50	Đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành chuyển đổi toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp	<i>Quyết định số 1724/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ Tư pháp</i>	
16	2.001306.000.00.00.H50	Đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành tiếp tục hoạt động đấu giá tài sản và kinh doanh các ngành nghề khác		
17	2.001233.000.00.00.H50	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản		
IV	Lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản: 08 TTHC			
18	2.001093.000.00.00.H50	Chấm dứt hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân		<i>Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ Tư pháp</i>
19	1.001921.000.00.00.H50	Thông báo việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản		
20	1.001488.000.00.00.H50	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên		
21	1.001487.000.00.00.H50	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản		
22	1.001486.000.00.00.H50	Gia hạn việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối		

		với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	
23	1.001485.000.00.00.H50	Hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên	
24	1.001484.000.00.00.H50	Hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	
25	1.001914.000.00.00.H50	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh quản lý, thanh lý tài sản	
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (02 TTHC)		
I	Lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật		
1	2.001489.000.00.00.H50	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật huyện	Quyết định số 1472/QĐ-BTP ngày 25/6/2020 của Bộ Tư pháp
2	2.001475.000.00.00.H50	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật huyện	

Tổng cộng: 37 TTHC (cấp tỉnh và cấp huyện)./.